TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN UH-TP H NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2020/DS-ST
Ngày 21 tháng 8 năm 2020
(V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH, T PHỐ H NỘI

- *T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Hạ T1; ông Đặng Viết Côi.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tưởng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện UH, T phố H Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên toà:*

Bà Nguyễn Thị Khuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2020/TLST- DS ngày 05 tháng 6 năm 20202 về Tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 14/2020/QĐST-DS ngày 07/8/2020 giữa các đương sự:

*** *Nguyên đơn***: **Ngân hàng A** (gọi tắt: Ngân hàng A). Trụ sở: số 2 LH, phường TC, quận BĐ, T phố Hà Nội.

Ng- ời đại diện theo pháp luật: Ông **Tiết Văn T** - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Anh **Lã Anh T1** – Trưởng phòng tín dụng Ngân Hng A – chi nhánh UH *và* Anh **Lê Văn T1** – Phó giám đốc chi nhánh Ngân Hng A – chi nhánh UH *(đều có mặt tại phiên tòa).*

(theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNN-PC ngày 27/12/2019 của Người đại diện theo pháp luật Ngân Hng TMCP A về việc uỷ quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng, thi Hnh án và Giấy ủy quyền ngày 16/3/2020 của Ngân Hng A – chi nhánh huyện UH).

**** Bị đơn đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan***:

Anh **Nguyễn Văn H** - sinh năm 1969 *(có mặt).*

Chị **Nguyễn Thị H1** - sinh năm 1970 *(có mặt)*

Đều ĐKHKTT: thôn TB, xã VT, huyện UH, T phố Hà Nội.

**** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1940; *Có đơn xin vắng mặt.*
- Anh **Ngô Văn T1**, sinh năm 1985; Vắng *mặt.*
- Chị **Lưu Thị H**, sinh năm 1984; *Có đơn xin vắng mặt.*

- Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1992*; Vắng mặt.*
- Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1995*; Vắng mặt.*
- Cháu **Nguyễn Công M**, sinh năm 2007. *Vắng mặt.*

Đều có nơi ĐKHKTT: thôn TB, xã VT, huyện UH, T phố H Nội.

(Anh H chị H1 là người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Công M)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai, Biên bản hòa giải và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – anh Lã Anh T1 và anh Lê Văn T1 đều trình bày: vợ chồng anh Nguyễn Văn H chị Nguyễn Thị H1 (*sau đây gọi tắt là vợ chồng anh H chị H1*) có vay vốn Ngân Hng A thông qua việc ký kết 02 Hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng vay từng lần số 2207 – LAV – 201401313 ngày 16/6/2014, số tiền vay 500.000.000 đồng, mục đích vay: xây dựng công trình chăn nuôi, theo đó cùng ngày vợ chồng anh H chị H1 đã nhận giải ngân khoản tiền 500.000.000 đồng từ Ngân Hng, ngày 15/12/2017 vợ chồng anh H chị H1 cùng Ngân Hng ký kết 01 phụ lục hợp đồng tín dụng số 2207LAV201401313/PLHĐ về sử đổi nội dung Điều 3 về thời hạn, phương thức và kỳ hạn cho vay;

- Hợp đồng hạn mức số 2207 – LAV - 201501975 ngày 21/9/2015, số tiền vay: 600.000.000 đồng; mục đích vay: Kinh doanh vật liệu xây dựng. Theo đó, vợ chồng anh H chị H1 đã nhận giải ngân tổng dư nợ 600.000.000 đồng từ ngân Hng thông qua các Khế ước nhận nợ ngày 06/4/2016 với số tiền 500.000.000 đồng, khế ước ngày 11/4/2016 với số tiền 100.000.000 đồng, khế ước ngày 20/9/2016 với số tiền 300.000.000 đồng, vì là hợp đồng hạn mức nên mỗi lần nhận nợ theo từng khế ước vẫn đảm bảo tổng dư nợ sau giải ngân là 600.000.000 đồng;

Tổng cộng vợ chồng anh H chị H1 nhận giải ngân từ Ngân Hng A tổng số tiền 1.100.000.000 đồng. Ngoài ra, trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, phụ lục hợp đồng tín dụng còn có các thỏa T về lãi suất, thời hạn vay, ... và các thỏa T khác.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ và các nghĩa vụ khác của mình tại Ngân hàng, vợ chông anh Nguyễn Văn H chị Nguyễn Thị H1 đã thế chấp 01 Bất động sản cho Ngân Hng A là: Quyền sử dụng thửa đất số 31, tờ bản đồ số 02, diện tích là 235,2 m^2 và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thôn TB, xã VT, huyện UH, T phố H Nội, GCNQSD đất số AN 413594; số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: H: 01251 do UBND huyện UH cấp ngày 10/10/2008 cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H1, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng Công chứng Trần Gia, số công chứng 00208.2013; quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/01/2013, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/01/2013.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, vợ chồng anh H chị H1 đã không thực hiện trả nợ theo nh- cam kết trong các Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký kết nên toàn bộ khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn. Tính đến ngày 07/8/2020 vợ chồng anh H chị H1 mới trả được cho Ngân Hng 248.000.000 đồng nợ gốc và một khoản tiền nợ lãi. Để bảo vệ quyền và lợi ích của mình, Ngân Hng A gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa đề nghị Quý Tòa giải quyết các vấn đề sau:

+ Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn H chị Nguyễn Thị H1 thanh toán cho Ngân Hng A tổng số tiền là 1.265.099.917 đồng (l*ãi tính đến hết ngày 07/8/2020*), trong đó: nợ gốc: 852.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 300.546.167 đồng; nợ lãi quá hạn: 112.553.750 đồng.

+ Buộc vợ chồng anh H chị H1 pH tiếp tục thanh toán cho Ngân Hng A tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa T trong các Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày 07/8/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả.

+ Tr- ờng hợp vợ chồng anh H chị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hng thì Ngân Hng đ- ợc đề nghị cơ quan thi Hnh án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (nh- đã nêu ở trên) để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hng thì vợ chồng anh H chị H1 pH tiếp tục chịu trách nhiệm trả số nợ còn lại cho Ngân Hng. Ngân Hng có quyền đề nghị cơ quan thi Hnh án dân sự có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng anh H chị H1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, anh Nguyễn Văn H - là Bị đơn trình bày: Anh xác nhận việc vợ chồng anh chị có ký kết 02 hợp đồng tín dụng, 01 phụ lục hợp đồng tín dụng, 03 khế ước nhận nợ và 01 Hợp đồng thế chấp nh- Đại diện Ngân Hng trình bày ở trên là hoàn toàn chính xác. Nay do làm ăn thua lỗ, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng anh không trả nợ Ngân hàng theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết đ- ợc, tính đến nay vợ chồng anh còn nợ Ngân Hng 852.000.000 đồng nợ gốc và tiền nợ lãi kèm theo.

Vợ chồng anh kính đề nghị Ngân Hng tạo điều kiện cho vợ chồng anh có thêm thời gian trả nợ dần cho Ngân Hng và đề nghị Ngân Hng xem xét miễn, giảm tiền nợ lãi cho vợ chồng anh.

Bị đơn – chị Nguyễn Thị H1, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T1 và anh Nguyễn Văn C đều là vợ và con anh Nguyễn Văn H đều không đến Tòa làm việc, trình bày ý kiến.

Tại Biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, bà Nguyễn Thị T - người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn H. Hiện nay bà đang trực tiếp sinh sống trong ngôi nH trên thửa đất số 31 là tài sản thế chấp trong vụ án này nhưng bà không có đăng ký hộ khẩu thường trú tại đây. Về việc vay nợ của vợ chồng anh H chị H1 và thế chấp tài sản sản với Ngân Hng như thế nào bà không biết, bà không có ý kiến gì. Bà tự nhận thấy bà không liên quan gì đến vụ án và vì tuổi đã cao nên bà từ chối đến Tòa án làm việc, bà cũng xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc khác của Tòa án và bà cũng xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Bà từ chối quyền trợ giúp pháp lý. Hiện nay, trên tài sản thế chấp trong vụ án là thửa đất số 31 nêu trên chỉ có một mình bà là người trực tiếp sinh sống tại đây, còn gian nH ngoài mặt đường có vợ chồng anh T1 chị H là cháu trong nH thuê lại của vợ chồng anh H chị H1 để kinh doanh cửa Hng vật tư nông nghiệp nhưng anh T1 chị H chỉ bán Hng từ sáng đến chiều lại về nH chứ không ở đây. Vợ chồng anh H chị H1 cùng các con không ở trên nH và đất của thửa đất số 31 này mà ở nH trên khu đất 5%.

Tại Biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Lưu Thị H - người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Việc vay nợ Ngân Hng và thế chấp tài sản giữa vợ chồng anh H chị H1 như nào vợ chồng chị không biết và cũng không liên quan gì. Hiện nay, vợ chồng chị đang thuê gian nH ngoài mặt đường của thửa đất số 31 nêu trên là tài sản thế chấp trong vụ án để kinh doanh cửa Hng vật tư nông nghiệp nhưng vợ chồng chị chỉ bán Hng từ sáng đến chiều về nH chứ không ở trên nH đó. Việc thuê nH giữa vợ chồng chị và vợ chồng anh H chị H1 có được lập T Hợp đồng thuê nH, thời hạn thuê là 5 năm, trả tiền 1 năm, giá thuê là 1.500.000 đồng/ tháng. Tuy nhiên, Hợp đồng thuê nH hiện để ở đâu chị chưa tìm được, khi nào tìm được chị giao nộp cho Tòa sau. Chồng chị là anh Ngô Văn T1 hiện đi làm xa nH, chị nhận trách nhiệm giao lại và thông báo cho anh T1 biết ngay trong ngay các văn bản tố tụng của Tòa án giao và nội dung làm việc của Tòa án. Chị từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, Tòa án chỉ cần giao cho vợ chồng chị Bản án để chị biết kết quả. Vì công việc của vợ chồng chị rất bận và chị cũng tự nhận thấy vợ chồng chị không liên quan gì nhiều nên chị xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc khác của Tòa án, cũng xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Chị có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, anh chị sẽ nghiêm chỉnh chấp Hnh các quy định pháp luật, kết quả giải quyết vụ án. Trường hợp ngôi nH và đất tôi đang thuê của vợ chồng anh H chị H1 bị đưa ra phát mại, xử lý thì vợ chồng chị sẽ dọn dẹp mọi tài sản để bàn giao lại nH và đất cho cơ quan có thẩm quyền.

Tại phiên tòa: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có mặt đề nghị xin giảm lãi. Nguyên đơn không chấp nhận. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, không trình bày thêm gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến Hnh hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến Hnh xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử, xử**:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1:

2. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn H chị Nguyễn Thị H1 thanh toán cho Ngân Hng A tổng số tiền là 1.265.099.917 đồng (l*ãi tính đến hết ngày 07/8/2020*), trong đó: nợ gốc: 852.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 300.546.167 đồng; nợ lãi quá hạn: 112.553.750 đồng.

Buộc vợ chồng anh H chị H1 pH tiếp tục thanh toán cho Ngân Hng A tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa T trong các Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày 07/8/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Trường hợp anh H chị H1 không trả được số tiền nợ trên cho Ngân Hng thì Ngân Hng được quyền đề nghị Cơ quan Thi Hnh án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp như đã nêu trên để bảo đảm thu hồi toàn bộ khoản nợ cho ngân Hng.

4**.** Về án phí, lệ phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự phải chịu án phí, lệ phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án này là Hợp đồng tín dụng vay từng lần số 2207 – LAV – 201401313 ngày 16/6/2014 cùng 01 phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2207 – LAV - 201501975 ngày 21/9/2015 cùng các khế ước nhận nợ kèm theo giữa Ngân hàng A với anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 03/2012/NQ - HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân dân Tối cao h- ớng dẫn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Ngân Hng A khởi kiện đã làm đơn theo đúng mẫu, nộp án phí theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân huyện UH thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Những người có quyền

lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T và chị Lưu Thị H đều có quan điểm xin được vắng mặt tại phiên tòa; Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên toà ngày hôm nay đều đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Toà án làm việc cũng như tham gia phiên toà xét xử vụ án, phiên toà lần đầu được mở ra vào hồi 08 giờ ngày 07/8/2020 đã được Toà án hoãn để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, do đó phiên toà ngày hôm nay mặc dù vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng Toà án nhân dân huyện UH vẫn tiến Hnh xét xử là đúng quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc vay nợ giữa vợ chồng anh H chị H1 với Ngân Hng A, yêu cầu khởi kiện của ngân Hng: Việc ký kết Hợp đồng tín dụng vay từng lần số 2207 – LAV – 201401313 ngày 16/6/2014 cùng 01 phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2207 – LAV - 201501975 ngày 21/9/2015 cùng các khế ước nhận nợ kèm theo giữa vợ chồng anh H chị H1 với Ngân Hng A để vay tổng số tiền 1.100.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm triệu đồng*) và vợ chồng anh H chị H1 đã nhận giải ngân từ ngân Hng tổng dư nợ số tiền 1.100.000.000 đồng, tính đến nay vợ chồng anh H chị H1 đã trả được cho Ngân Hng 248.000.000 đồng nợ gốc và một khoản nợ lãi kèm theo. Các Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng cùng các khế ước nhận nợ đã được ký kết giữa ngân Hng và vợ chồng anh H chị H1 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo theo quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía vợ chồng anh H chị H1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, phía ngân Hng đã gửi thông báo, công văn yêu cầu vợ chồng anh H chị H1 trả nợ nhưng vợ chồng anh H chị H1 vẫn chưa trả được nợ cho Ngân Hng.

Tại Biên bản lấy lời khai và biên bản hoà giải ngày 07/7/2020, anh H và Ngân Hng cùng xác nhận tính đến ngày 17/6/2020 vợ chồng anh H chị H1 còn nợ Ngân Hng 852.000.000 đồng nợ gốc; về nợ lãi anh H chỉ xác nhận có nợ lãi kèm theo nợ gốc chứ không xác nhận cụ thể là bao nhiêu. Đến nay, Ngân Hng yêu cầu vợ chồng anh H chị H1 pH thanh toán tổng số tiền là 1.265.099.917 đồng (l*ãi tính đến hết ngày 07/8/2020*), trong đó: nợ gốc: 852.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 300.546.167 đồng; nợ lãi quá hạn: 112.553.750 đồng. Buộc vợ chồng anh H chị H1 pH tiếp tục thanh toán cho Ngân Hng A tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa T trong các Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày 07/8/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả.

Do vi phạm hợp đồng Ngân Hng A yêu cầu vợ chồng anh H chị H1 pH trả số tiền gốc nói trên là có căn cứ; việc Ngân Hng A yêu cầu vợ chồng anh H chị H1 pH thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của Ngân

Hng A, cụ thể buộc vợ chồng anh H chị H1 pH trả tổng số tiền là 1.265.099.917 đồng (l*ãi tính đến hết ngày 07/8/2020*), trong đó: nợ gốc: 852.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 300.546.167 đồng; nợ lãi quá hạn: 112.553.750 đồng. Buộc vợ chồng anh H chị H1 pH tiếp tục thanh toán cho Ngân Hng A tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa T trong các Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày 07/8/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp thì thấy: Khi ký kết hợp đồng tín dụng các bên có thỏa T biện pháp bảo đảm, cụ thể: vợ chồng anh Nguyễn Văn H chị Nguyễn Thị H1 đã dùng 01 tài sản thế chấp cho Ngân Hng A để bảo đảm cho khoản vay của vợ chồng anh H chị H1 tại Ngân Hng, cụ thể: Quyền sử dụng thửa đất số 31, tờ bản đồ số 02, diện tích là 235,2 m^2 và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thôn TB, xã VT, huyện UH, T phố H Nội, GCNQSD đất số AN 413594; số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: H: 01251 do UBND huyện UH cấp ngày 10/10/2008 cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H1, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng Công chứng Trần Gia, số công chứng 00208.2013; quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/01/2013, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/01/2013.

Căn cứ các Điều 292 đến Điều 308, Điều 317 đến Điều 323, các Điều 463, 466, 468, 470 và các Điều từ 500 đến 503 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về Hợp đồng về Quyền sử dụng đất; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do đó thoả T trong Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa các bên có hiệu lực pháp luật để thi Hnh. Yêu cầu của phía nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp phía bị đơn không thanh toán các khoản nợ là có căn cứ để chấp nhận.

Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất là tài sản thế chấp nêu trên, nhận thấy: Tài sản trên đất vẫn giữ nguyên trạng nh- khi thế chấp. Trên đất thế chấp chỉ có bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ anh H trực tiếp sinh sống trên đó, ngoài ra có vợ chồng anh Ngô Văn T1 chị Lưu Thị H thuê gian nH ngoài mặt đường để kinh doanh cửa Hng vật tư nông nghiệp. Do vậy, bà Nguyễn Thị T, vợ chồng anh Ngô Văn T1 chị Lưu Thị H cùng vợ chồng con cái anh H chị H1 đều có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp để thi hành án, trong tr- ờng hợp vợ chồng anh H chị H1 không trả nợ cho Ngân hàng.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Các đương sự pH nộp án phí và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 03/2012/NQ - HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân dân Tối cao h- ớng dẫn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 292 đến Điều 308, Điều 317 đến Điều 323, các Điều 463, 466, 468, 470 và các Điều từ 500 đến 503 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về Hợp đồng về Quyền sử dụng đất; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Căn cứ Quyết định số 1627/2001 của Ngân hàng Nhà n- ớc về Quy chế cho vay; Căn cứ Quyết định số 546/2002 ngày 30/5/2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà n- ớc Việt Nam; Căn cứ Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Ngân hàng Ađối với anh Nguyễn Văn H chị Nguyễn Thị H1.

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn H chị Nguyễn Thị H1 thanh toán cho Ngân Hng A tổng số tiền là 1.265.099.917 đồng (một tỷ hai trăm sáu lăm triệu không trăm chín chín nghìn chín trăm mười bẩy đồng) (l*ãi tính đến hết ngày 07/8/2020*), trong đó: nợ gốc: 852.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 300.546.167 đồng; nợ lãi quá hạn: 112.553.750 đồng.

Buộc vợ chồng anh H chị H1 pH tiếp tục thanh toán cho Ngân Hng A tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa T trong các Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày 08/8/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Trường hợp anh Nguyễn Văn H chị Nguyễn Thị H1 không trả được số tiền nợ trên cho Ngân Hng A thì Ngân Hng A được quyền đề nghị Cơ quan Thi Hnh án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi toàn bộ khoản nợ cho ngân Hng, cụ thể là: Quyền sử dụng thửa đất số 31, tờ bản đồ số 02, diện tích là 235,2 m^2 và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thôn TB, xã VT, huyện UH, T phố H Nội, GCNQSD đất số AN 413594; số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: H: 01251 do UBND huyện UH cấp ngày 10/10/2008 cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H1, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng Công chứng Trần Gia, số công chứng 00208.2013; quyển số 01

TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/01/2013, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/01/2013.

Trong quá trình xử lý tài sản thế chấp bà Nguyễn Thị T, anh Ngô Văn T1, chị Lưu Thị H, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Văn T1, anh Nguyễn Văn C và cháu Nguyễn Công M đều pH có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp để thi hành án đảm thi Hnh án theo quy định pháp luật.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý các tài sản thế chấp không đủ trả hết các khoản nợ cho Ngân Hng thì vợ chồng anh H chị H1 có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền còn nợ cho Ngân Hng, Ngân Hng có quyền đề nghị cơ quan thi Hnh án dân sự có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng anh H chị H1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Tr- ờng hợp xử lý tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người pH thi Hnh án dân sự có quyền thoả T thi Hnh, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi Hnh án dân sự, thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H chị Nguyễn Thị H1 pH chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 49.952.997 đồng *(Bốn mươi chín triệu chín trăm năm mươi hai nghìn chín trăm chín bẩy đồng)*.

- Hoàn trả Ngân Hng Asố tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 24.181.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009683 ngày 05/6/2020 tại Chi cục thi Hnh án dân sự huyện UH.

4. Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đ- ơng sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
TAND TP Hà Nội;
VKSND huyện Ứng Hoà;
Chi cục THADS Ứng Hoà;
Các đ- ơng sự;
L- u h/s; v/p./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tô Thanh Phong

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các T viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**